

Bản án số: 40/2021/HS-ST
Ngày 25-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Thơ

Bà Nguyễn Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Hoàng Đức T, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1988 tại Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu 1, xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quốc L và bà Đào Thị D; có vợ là Hà Thị H (đã ly hôn) và hai con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 03 tháng 6 năm 2021. Có mặt.

- Bị hại: Anh Trịnh Duy T1; sinh năm 1998; nơi cư trú: Số 1A/3/751 H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Quốc L; sinh năm 1958; nơi cư trú: Khu 1, xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Chị Đỗ Lan H; sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Anh Mai Anh M; sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 12/41/161, phố C, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Hoàng Đức T đã nảy sinh ý định thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện hành vi của mình, T sử dụng mạng xã hội facebook tên “ĐH” đăng ký bởi tài khoản gmail mang tên triduchuang1988@gmail.com để tìm kiếm thông tin. Khi thấy có thông tin liên quan đến việc đặt vé máy bay, T đã chủ động kết bạn và làm quen với anh Trịnh Duy T1. Để tạo sự tin tưởng, T tự giới thiệu tên mình là Đ, hiện đang làm việc tại Đại sứ quán Đức, có thể đặt vé máy bay cho người Việt Nam ở nước ngoài về nước. Sau đó, T sử dụng zalo tên “HDL” để trao đổi với anh T1 qua zalo tên “T1 Louis” và thỏa thuận với anh T1 về giá vé cho người Việt Nam từ nước ngoài về nước giao động từ 1.800USD đến 2.000USD tùy theo khu vực, quốc gia. Thủ tục đặt vé do T thực hiện, anh T1 có trách nhiệm cung cấp các thông tin về khách hàng theo đề nghị của T; mỗi trường hợp đặt vé thành công, T có trách nhiệm cung cấp vé và trích 500USD cho anh T1. Trong khoảng thời gian này, anh Mai Anh M - là Giám đốc Công ty nơi anh T1 đang làm việc có người quen cần đặt vé máy bay từ nước ngoài về Việt Nam nên anh M đã nhờ anh T1 đặt giúp hai lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Sáng ngày 01 tháng 3 năm 2021, anh M nhờ và chuyển toàn bộ thông tin cá nhân của hai khách hàng từ Hàn Quốc về Việt Nam cho anh T1. Anh T1 đã trao đổi, thống nhất và chuyển toàn bộ thông tin cá nhân của khách hàng theo hướng dẫn của T, anh T1 nhờ anh M chuyển số tiền 14.723.000 đồng kèm theo nội dung “*thanh toán vé máy bay của n và n1*” từ tài khoản của anh M đến tài khoản số 13248467 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, chủ tài khoản là chị Đỗ Lan H (tài khoản này trước đây T nhờ chị H mở hộ và T là người sử dụng). Việc chuyển, nhận tiền kết thúc vào hồi 13 giờ 17 phút 29 giây ngày 01 tháng 3 năm 2021; địa điểm chuyển tiền tại đường B đoạn vòng xuyên giao đường L thuộc quận H, thành phố Hải Phòng. Sau khi nhận được thông báo tài khoản đã nhận được tiền, T truy cập vào tài khoản để rút tiền nhưng do quên mật khẩu và truy cập nhiều lần nên tài khoản bị khóa. T đã gọi điện, nhắn tin nhờ chị H làm thủ tục mở lại tài khoản và đăng ký bằng số điện thoại 0862.035.760 cho T nhưng do chị H bận công việc nên chưa thực hiện được. Sau đó T đề nghị chị H chuyển số tiền trên vào tài khoản của T để T trả lại cho anh T1. Do tin tưởng T, chị

H đã chuyển số tiền 14.732.000 đồng (thừa 9.000 đồng so với số tiền anh T1 đã chuyển) vào tài khoản của T lúc 11 giờ 13 phút ngày 08 tháng 3 năm 2021. Sau khi nhận được tiền, T sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 01 tháng 3 năm 2021, anh M có một khách hàng mới từ Newzeland về Việt Nam, anh M nhờ và chuyển toàn bộ thông tin của khách cho anh T1. Anh T1 tiếp tục trao đổi, thỏa thuận và thống nhất với T số tiền đặt cọc là 9.260.000 đồng nhưng chỉ chuyển số tiền 9.000.000 đồng (anh T1 xin lại số tiền lẻ là 260.000 đồng); ngoài ra T mượn danh là Đ ngụy tạo lý do để vay anh T1 thêm 3.000.000 đồng và cung cấp số tài khoản mà T giới thiệu là của em trai tên T tại Việt Nam để anh T1 tin tưởng. Sau khi thống nhất, anh T1 tiếp tục nhờ và anh M đã chuyển số tiền 12.000.000 đồng kèm theo nội dung “*thanh toán tiền cọc vé máy bay của khách hàng lê đức t*” từ tài khoản của anh M đến tài khoản số 156611399 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, chủ tài khoản là Hoàng Đức T. Việc chuyển, nhận tiền kết thúc vào hồi 19 giờ 38 phút 05 giây ngày 01 tháng 3 năm 2021; địa điểm chuyển tiền tại đường Đ thuộc phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Sau khi nhận được tiền, T đã rút nhiều lần hết số tiền 12.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, trong đó T đã sử dụng 2.400.000 đồng vào mục đích đánh bạc và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bắt quả tang, ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú vào ngày 05 tháng 3 năm 2021.

Theo cung cấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tại Công văn số 51 ngày 11 tháng 5 năm 2021: Tài khoản số 156611399, chủ tài khoản là Hoàng Đức T, số điện thoại 0862.035.760.

Theo cung cấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đông Đô - Phòng Giao dịch Hà Đông tại Công văn số 28 ngày 07 tháng 5 năm 2021: Tài khoản số 13248467, chủ tài khoản là Đỗ Lan H, số điện thoại 0828.571.190.

Theo cung cấp của Ngân hàng TH mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại Công văn số 960 ngày 14 tháng 6 năm 2021: Tài khoản số 19027940890027, chủ tài khoản là Mai Anh M.

Theo cung cấp của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam tại Công văn số 2068 ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Công văn số 3506 ngày 28 tháng 6 năm 2021: Số điện thoại 0916.583.386 là của anh Trịnh Duy T1; số điện thoại 0828.571.190 là của Hoàng Đức T (đã hủy ngày 22 tháng 02 năm 2021).

Ngày 21 tháng 4 năm 2021, bố đẻ của bị cáo là ông Hoàng Quốc L đã bồi thường cho bị hại là anh Trịnh Duy T1 số tiền 26.732.000 đồng (thừa 9.000 đồng so với số tiền bị cáo đã nhận của anh T1).

Bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Hoàng Đức T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An giữ quyền công tố luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Đức T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 21 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã tác động người thân bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Đối với số tiền 9.000 đồng mà chị Đỗ Lan H chuyển thừa cho bị cáo và số tiền 9.000 đồng mà bố đẻ của bị cáo là ông Hoàng Quốc L đã trả thừa cho bị hại là anh Trịnh Duy T1, ông L và chị H không yêu cầu bị cáo và bị hại phải hoàn trả nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Đức T nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật và trong lời nói sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và bố mẹ đẻ của bị cáo.

Trong các lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Hoàng Quốc L không yêu cầu bị hại phải hoàn trả số tiền 9.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Trịnh Duy T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Mai Anh M vắng mặt nhưng trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 và anh M trình bày vẫn giữ nguyên lời khai như tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An và không có yêu cầu nào khác về bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Đỗ Lan H vắng mặt nhưng trong các biên bản lấy lời khai tại giai đoạn điều tra, chị H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 9.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo Hoàng Đức T tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, tự nhận mình tên là Đ, hiện đang làm việc tại Đại sứ quán Đức nhằm tạo lòng tin với anh Trịnh Duy T1 để anh T1 chuyển tiền cho bị cáo mua vé máy bay cho ba người Việt Nam đang sống ở nước ngoài có nhu cầu trở về nước. Sau khi nhận được số tiền 26.723.000 đồng do anh T1 chuyển qua tài khoản, bị cáo đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Tại thời điểm thực hiện hành vi nêu trên, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để anh T1 tin tưởng, chuyển tiền mua vé máy bay cho bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt của anh Trịnh Duy T1 số tiền 26.723.000 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật. Vì vậy, cần được xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong ngày 01 tháng 3 năm 2021, bị cáo đã hai lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Trịnh Duy T1. Lần thứ nhất, bị cáo chiếm đoạt của anh T1 số tiền là 14.723.000 đồng, lần thứ hai bị cáo chiếm đoạt của anh T1 số tiền là 12.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo đã tích cực tác động, đề nghị người thân của bị cáo bồi thường thiệt hại và người thân (là bố đẻ) của bị cáo đã bồi thường cho bị hại là anh Trịnh Duy T1 toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 và hướng dẫn tại điểm d tiêu mục 1.1 Mục 1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về hình phạt chính: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cần xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Số tiền chiếm đoạt đã được bỏ để của bị cáo thay bị cáo bồi thường toàn bộ cho bị hại là anh Trịnh Duy T1, bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Hoàng Quốc L và chị Đỗ Lan H không yêu cầu bị cáo và bị hại phải hoàn trả số tiền 9.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Mai Anh M đã nhận đủ số tiền 26.723.000 đồng do anh Trịnh Duy T1 chuyển trả và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Đức T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 03 tháng 6 năm 2021.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Đức T.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Đức T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Dương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQCSĐT - Công an quận Hải An;
- CQTHAHS - Công an quận Hải An;
- Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng;
- PV06 - Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Bích Diệp

